

GIÁO ÁN TIẾNG VIỆT LỚP 5 - Tuần 33

Luyện từ và câu

MỞ RỘNG VỐN TỪ: TRẺ EM

A. Mục tiêu:

- Biết và hiểu thêm một số từ ngữ về trẻ em (BT 1, 2).
- Tìm được hình ảnh đẹp so sánh trẻ em (BT 3)
- Hiểu nghĩa của một số thành ngữ, tục ngữ về trẻ em (BT 4)
- Giáo dục HS yêu quý tiếng Việt.

B. Đồ dùng dạy học:

- GV: - Bảng phụ, kẻ bảng nội dung BT4.
- HS: VBT TV

C. Các hoạt động dạy - học:

I. Kiểm tra:

- Gọi 2HS nêu tác dụng của dấu hai chấm và làm bài tập 2.
- Gv nhận xét +ghi điểm.

- 1HS nêu 2 tác dụng của dấu hai chấm, nêu ví dụ minh họa.

- 1HS làm lại BT2 tiết trước.

- Lớp nhận xét.

II. Bài mới :

1. Giới thiệu bài: Nêu MT tiết học.

- Ghi bảng đề bài:

- HS lắng nghe.

2. Hướng dẫn HS làm bài tập:

Bài 1:

- Gọi HS đọc đề, nêu yêu cầu
- Gv Hướng dẫn HS làm Bt1 vào VBT, gọi vài HS trả lời cho lớp nhận xét.

- HS đọc yêu cầu BT 1, suy nghĩ trả lời, giải thích vì sao em xem đó là câu trả lời đúng.

- Gv nhận xét chốt lại câu trả lời đúng:
- Ý c- Người dưới 16 tuổi được xem là trẻ em . Còn ý d không đúng , vì người dưới 18 tuổi(17,18 tuổi) - đã là thanh niên.

Bài 2:

- Gọi HS đọc yêu cầu bài tập
- Gv Hướng dẫn HS làm Bt2:
- Gv phát bút dạ cho HS làm nhóm và thi làm bài.
- GV chốt lại ý kiến đúng:

Lời giải:

- Các từ đồng nghĩa với trẻ em: trẻ, trẻ con, con trẻ,...[không có sắc thái nghĩa coi thường hay coi trọng...], trẻ thơ, thiếu nhi, nhi đồng, thiếu niên,...[có sắc thái coi trọng], con nít, trẻ ranh, ranh con, nhãi ranh, nhóc con...[có sắc thái coi thường].

- Đặt câu, VD:

Trẻ con thời nay rất thông minh.

Thiếu nhi là măng non của đất nước.

Bài 3:

- Cho HS đọc yêu cầu
- Gv Hướng dẫn HS làm Bt3.
- Gv gợi ý để HS tìm ra, tạo được những hình ảnh so sánh đúng và đẹp về trẻ em.

- Lớp nhận xét.

- HS đọc yêu cầu Bt2, suy nghĩ trả lời, trao đổi và thi làm theo nhóm, ghi vào bảng phụ, sau đó đặt câu đặt câu với từ vừa tìm được.

- HS đọc yêu cầu Bt3.
- Nghe

- Cho HS thảo luận nhóm 4, gọi đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày, các nhóm dưới đối chiếu kết quả.

- GV chốt lại ý kiến đúng, bình chọn nhóm làm hay

• Ví dụ:

- Trẻ em như tờ giấy trắng. → So sánh để làm nổi bật vẻ ngây thơ, trong trắng.

- Trẻ em như nụ hoa mới nở. Đứa trẻ đẹp như bông hồng buổi sớm. → So sánh để làm nổi bật hình dáng đẹp.

- Lũ trẻ ríu rít như bầy chim non. → So sánh để làm nổi bật tính vui vẻ, hồn nhiên.

- Cô bé trông giống hệt bà cụ non. → So sánh để làm rõ vẻ đáng yêu của đứa trẻ thích học làm người lớn.

- Trẻ em là tương lai của đất nước. Trẻ em hôm nay, thế giới ngày mai... → So sánh để làm rõ vai trò của trẻ em trong xã hội.

Bài 4:

- Gọi HS đọc đề, nêu yêu cầu

- Gv Hướng dẫn HS làm vào VBT

- Gọi HS lần lượt lên bảng làm, cho lớp nhận xét.

- GV chốt lại ý kiến đúng:

Lời giải:

- Trao đổi cặp để tìm các hình ảnh đúng ghi vào bảng phụ, đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày.

- HS đọc đề, nêu yêu cầu

- HS làm vào VBT

- Một số HS lần lượt lên bảng làm, lớp nhận xét.

Bài a) Tre già măng mọc: Lớp trước già đi, có lớp sau thay thế thế.

Bài b) Tre non dễ uốn: Dạy trẻ từ lúc con nhỏ dễ hơn.

Bài c) Trẻ người non dạ: Con ngây thơ, dại dột chưa biết suy nghĩ chín chắn.

Bài d) Trẻ lên ba, cả nhà học nói: Trẻ lên ba đang học nói, khiến cả nhà vui vẻ nói theo.

3. củng cố- Dặn dò:

- GV hướng dẫn HS nêu nội dung bài + ghi bảng.
- Yêu cầu HS về nhà tiếp tục luyện sử dụng vốn từ.
- Chuẩn bị tiết sau: Ôn tập về dấu ngoặc kép.

Tham khảo chi tiết các bài soạn giáo án Tv 5 tại đây:

<https://vndoc.com/giao-an-tieng-viet-5>